

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI
TỈNH QUẢNG BÌNH**
Số: 01/2023/QĐST- KDTM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đồng Hới, ngày 17 tháng 01 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 09 tháng 01 năm 2023 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án kinh doanh thương mại thụ lý 40/2023/TLST-KDTM ngày 21 tháng 12 năm 2022.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng TMCP A. Địa chỉ: 442 NTMK, phường 5, quận 3, thành phố HCM. Đại diện theo pháp luật: Ông Từ Tiến P – Tổng giám đốc. Đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Đình L – Phó Giám đốc phòng Quản lý nợ. Người được uỷ quyền lại: Bà Nguyễn Ngọc T – Nhân viên xử lý nợ (Theo Giấy uỷ quyền số 1204/UQ-QLN.22 ngày 29/11/2022 của ông Nguyễn Đình L là đại diện theo uỷ quyền của Ngân hàng TMCP A uỷ quyền lại cho bà Nguyễn Ngọc T) . Địa chỉ: Số 257 THĐ, thành phố ĐH, tỉnh QB.

- *Bị đơn*: Ông Trần Đình N, sinh năm: 1953 và bà Thân Thị B, sinh năm: 1955. Đại chỉ: Thôn TP, xã TĐ, thành phố ĐH, tỉnh QB.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về tiền gốc và tiền lãi:

Tính đến ngày 09/01/2023 ông Trần Đình N và bà Thân Thị B còn nợ Ngân hàng TMCP A tổng số tiền là: 589.609.536 đồng (trong đó: dư nợ gốc: 533.401.073

đồng, lãi trong hạn : 3.453.370 đồng, lãi quá hạn: 52.532.753 đồng, phạt chậm trả: 222.340 đồng) theo Hợp đồng cấp tín dụng số QBI.CN.2523.191120 ngày 20/11/2020 với Khế ước nhận nợ số 02 : 336370399 ngày 19/5/2021 và Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng với số thẻ tín dụng 970416*****2736 đã ký kết cho đến khi ông Trần Đình N và bà Thân Thị B trả nợ hết cho Ngân hàng ACB.

2.2 Các bên đương sự thống nhất phương án và thời gian trả nợ:

Ông Trần Đình N và bà Thân Thị B phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP A trong vòng 06 tháng chậm nhất đến ngày 27/7/2023 ông Trần Đình N và bà Thân Thị B sẽ thanh toán toàn bộ nợ gốc, nợ lãi và lãi phát sinh cho Ngân hàng A cụ thể:

Định kỳ vào ngày 27 hàng tháng, ông Trần Đình N và bà Thân Thị B phải thanh toán số tiền là 2.000.000 đồng/tháng, kỳ trả nợ đầu tiên được bắt đầu vào ngày 27/01/2023 và đến kỳ trả nợ cuối cùng vào ngày 27/7/2023 ông Trần Đình N và bà Thân Thị B phải thanh toán hết toàn bộ nợ gốc, nợ lãi và lãi phát sinh còn lại.

Kể từ ngày 10/01/2023 ông Trần Đình N và Thân Thị B phải chịu thêm lãi suất quy định tại Hợp đồng cấp tín dụng số QBI.CN.2523.191120 ngày 20/11/2020 với Khế ước nhận nợ số 02 : 336370399 ngày 19/5/2021 và Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng với số thẻ tín dụng 970416*****2736 đã ký kết cho đến khi ông Trần Đình N và bà Thân Thị B trả nợ hết cho Ngân hàng A.

2.3 Về xử lý tài sản bảo đảm thế chấp cho khoản vay đến hạn trả nợ gốc, trả nợ mà bị đơn không trả:

Trong trường hợp, bị đơn vi phạm một trong những lộ trình trả nợ như đã thỏa thuận thì xem như vi phạm toàn bộ lộ trình trả nợ. Thì Ngân hàng A có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ, tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 166, tờ bản đồ số 07, địa chỉ: Xã Thuận Đức, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình (đã điều chỉnh địa chỉ theo hồ sơ số DT.644 ngày 07/10/2020) thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Trần Đình N và bà Thân Thị B (Tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp tài sản số :QBI.BĐCN.312.191120 giữa Ngân hàng ACB và ông Trần Đình N và bà Thân Thị B đã ký ngày 20/11/2020).

Trường hợp, số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ trả nợ cho Ngân hàng A thì Ngân hàng A có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý bất cứ tài sản nào thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông N và bà B.

3. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Áp dụng Nghị quyết số: 326/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do các bên đương sự đã thỏa thuận nên chỉ phải chịu 50% án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch.

3.1. Ngân hàng TMCP A và ông Trần Đình N, bà Thân Thị B đã thỏa thuận ông Trần Đình N và bà Thân Thị B phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Nhưng ông Trần Đình N và bà Thân Thị B thuộc trường hợp người cao tuổi đã có đơn xin miễn án phí nên ông N, bà B được miễn tiền án phí theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 12 của Nghị Quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về Danh mục án phí, lệ phí Tòa án

3.2. Ngân hàng TMCP A không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí là 13.311.000 đồng đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 31AA/2021/0001398 ngày 21/12/2022.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND thành phố Đồng Hới;
- Chi cục THADSTP Đồng Hới;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Thị Mỹ Lệ